

Số: 66 /TB-UBND

Hướng Hoá, ngày 05 tháng 6 năm 2015

THÔNG BÁO
Kết quả điểm kiểm tra, sát hạch xét tuyển
viên chức sự nghiệp giáo dục năm 2014 lần 2

Thực hiện Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Quyết định 10/2014/QĐ-UBND ngày 27/02/2014 của UBND tỉnh Quảng Trị, về ban hành Quy chế xét tuyển đặc biệt trong tuyển dụng công chức; xét tuyển và xét tuyển đặc cách trong xét tuyển viên chức của tỉnh Quảng Trị.

Căn cứ kết quả điểm dự kiểm tra, sát hạch của Hội đồng xét tuyển viên chức. Ủy ban nhân dân huyện thông báo kết quả điểm kiểm tra, sát hạch viên chức sự nghiệp giáo dục huyện năm 2014 lần 2 như sau:

1. Kết quả điểm kiểm tra sát hạch, được niêm yết trên trang thông tin điện tử của huyện Hướng Hóa, trang thông tin điện tử phòng Nội vụ và tại trụ sở phòng Nội vụ huyện kể từ ngày 08/6/2015.

2. Ứng viên dự tuyển có nguyện vọng phúc khảo bài kiểm tra, trực tiếp gửi đơn đến Hội đồng tuyển dụng viên chức huyện (***gửi đến ông: Đinh Văn Dũng - Phó trưởng phòng Nội vụ tiếp nhận***). Không phúc khảo điểm đối với những đối tượng dự kiểm tra, sát hạch bằng hình thức phỏng vấn (TPT Đội, Âm nhạc, Mỹ thuật, Y tế).

3. Thời gian tiếp nhận đơn kể từ ngày 08/6/2015 đến hết ngày 03/7/2015. UBND huyện không tiếp nhận và giải quyết đơn của ứng viên tham gia phỏng vấn và quá thời gian quy định trên.

Ủy ban nhân dân huyện thông báo để các đối tượng dự tuyển được biết. *utd*

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND huyện;
- Văn phòng UBND huyện (thông báo);
- Đài PT-TH huyện (thông báo);
- Phòng Nội vụ (thông báo);
- Lưu VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Võ Thanh

UBND HUYỆN HƯỚNG HOÁ
HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC

KẾT QUẢ ĐIỂM DỰ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC GIÁO DỤC NĂM 2014 LẦN 2
Ngạch: Giáo viên Tin học

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nữ	Dân tộc	Quê quán	Hộ khẩu thường trú	Trình độ	Hệ đào tạo	Xếp loại TN	Điểm học tập	Điểm TN	Điểm tin chỉ	Điểm KTSH	Tổng điểm	Ghi chú
1	Phan Thị Ngọc Ánh	06/07/1989	x	Kinh	Triệu Phong - Q.Trị	Triệu Phong - Q.Trị	CDSP	Chính quy	TB Khá	67,9	86,7		55	264,6	
2	Ngô Viết Di	16/02/1983		Kinh	Triệu Phong - Q.Trị	Hướng Hóa - Q.Trị	CDSP	Chính quy	TB Khá	62,1	73,3		72	279,4	
3	Nguyễn Thị Tân Diên	03/07/1991	x	Kinh	Triệu Phong - Q.Trị	Hướng Hóa - Q.Trị	CDSP	Chính quy	TB			69,2	85	308,4	
4	Tạ Thị Cẩm Hằng	23/06/1992	x	Kinh	Vĩnh Linh - Q.Trị	Vĩnh Linh - Q.Trị	CDSP	Chính quy	Khá			72,1	50	244,2	
5	Lê Thị Thủy Hằng	23/11/1991	x	Kinh	Đông Hà - Q.Trị	Đông Hà - Q.Trị	DHSP	Chính quy	TB			67,7	25	185,4	
6	Trương Thị Hòa	01/05/1985	x	Kinh	Triệu Phong - Q.Trị	Hướng Hóa - Q.Trị	DHSP	VHVL	Khá	74,9	80		45	244,9	
7	Nguyễn Thị Thu Hoàn	19/01/1992	x	Kinh	Phong Điền - TT Huế	Đông Hà - Q.Trị	CDSP	Chính quy	TB Khá			66,8	82	297,6	
8	Nguyễn Thị Thanh Hương	28/11/1990	x	Kinh	Triệu Phong - Q.Trị	Hướng Hóa - Q.Trị	CDSP	Chính quy	TB Khá			68,4	48	232,8	
9	Phùng Thị Mai Lan	23/03/1984	x	Kinh	Vĩnh Linh - Q.Trị	Vĩnh Linh - Q.Trị	DHSP	VL VH	Khá	72	80		60	272	
10	Bùi Thị Diệu Linh	26/05/1989	x	Kinh	Triệu Phong - Q.Trị	TX Q.Trị - Q.Trị	CDSP	Chính quy	Khá	79,4	63,3			142,7	
11	Nguyễn Thế Lữ	20/06/1992		Kinh	TX Q.Trị - Q.Trị	TX Q.Trị - Q.Trị	CDSP	Chính quy	Khá			77,4	40	234,8	
12	Hoàng Thị Yến Ly	10/07/1991	x	Kinh	Triệu Phong - Q.Trị	Triệu Phong - Q.Trị	CDSP	Chính quy	TB			67,3	55	244,6	
13	Phan Phương Nam	02/03/1985		Kinh	Hải Lăng - Q.Trị	Hướng Hóa - Q.Trị	DHSP	Tài chức	TB Khá	62,2	65			127,2	
14	Phùng Thị Hằng Nga	20/09/1991	x	Kinh	Vĩnh Linh - Q.Trị	Vĩnh Linh - Q.Trị	DHSP	Chính quy	Khá			76,3		152,6	
15	Lê Thị Ánh Nguyệt	20/11/1982	x	Kinh	Triệu Phong - Q.Trị	Hải Lăng - Q.Trị	DHSP	VL VH	Khá	71	70		80	301	
16	Võ Văn Nhân	20/07/1983		Kinh	Hải Lăng - Q.Trị	Hướng Hóa - Q.Trị	CDSP	Chính quy	Khá			74	50	248	
17	Lê Thị Thu Nhi	16/8/1991	x	Kinh	Triệu Phong - Q.Trị	Triệu Phong - Q.Trị	DHSP	Chính quy	TB			65,5	41	213	
18	Hoàng Thị Hiền Như	10/08/1988	x	Kinh	Đông Hà - Q.Trị	Đông Hà - Q.Trị	DHSP	VHVL	Khá			73,3	45	236,6	
19	Nguyễn Thị Ny	10/02/1991	x	Kinh	Đông Hà - Q.Trị	Hướng Hóa - Q.Trị	CDSP	Chính quy	Khá			75,6	37	225,2	
20	Phạm Quang Phước	06/05/1987		Kinh	Quảng Trạch - Q.Bình	Hướng Hóa - Q.Trị	DHSP	VHVL	Khá	73,6	75		50	248,6	
21	Võ Thị Phương	19/8/1990	x	Kinh	Triệu Phong - Q.Trị	Đông Hà - Q.Trị	DHSP	VHVL	Khá	78	80		60	278	
22	Nguyễn Văn Quỳnh	10/10/1991		Kinh	Cam Lộ - Q.Trị	Cam Lộ - Q.Trị	DHSP	Chính quy	TB			68,6		137,2	
23	Trần Thị Phương Thảo	17/07/1988	x	Kinh	Vĩnh Linh - Q.Trị	Đông Hà - Q.Trị	CDSP	Chính quy	TB Khá	69,7	66,7		40	216,4	
24	Nguyễn Thị Thu Thảo	30/06/1992	x	Kinh	Phù Vang - TT Huế	Hướng Hóa - Q.Trị	DH	Chính quy	TB			63,5		127	
25	Nguyễn Thị Mỹ Thủy	27/04/1991	x	Kinh	Triệu Phong - Q.Trị	Triệu Phong - Q.Trị	CDSP	Chính quy	TB Khá			67,2		134,4	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nữ	Dân tộc	Quê quán	Hộ khẩu thường trú	Trình độ	Hệ đào tạo	Xếp loại TN	Điểm học tập	Điểm TN	Điểm tin chỉ KTSH	Điểm KTSH	Tổng điểm	Ghi chú
26	Nguyễn Văn Thương	23/06/1988		Kinh	Giáo Linh - Q. Trĩ	Giáo Linh - Q. Trĩ	DHSP	VHVL	Khá	76.3	85		55	271.3	
27	Lê Đình Tinh	06/12/1992		Kinh	Triều Phong - Q. Trĩ	Hương Hóa - Q. Trĩ	CDSP	Chính quy	Khá			70.4		140.8	
28	Lê Thị Tinh	16/7/1989	x	Kinh	Hải Lăng - Q. Trĩ	Hải Lăng - Q. Trĩ	CDSP	Chính quy	Khá	72	65		57	251	
29	Nguyễn Lý Tương	20/11/1986		Kinh	Đông Hà - Q. Trĩ	Đông Hà - Q. Trĩ	DHSP	VL VH	Khá	73.1	80		40	223.1	
30	Nguyễn Thị Minh Uyên	26/6/1990	x	Kinh	Triệu Phong - Q. Trĩ	Hương Hóa - Q. Trĩ	CDSP	Chính quy	TB			62.5	90	305	
31	Nguyễn Thị Thanh Xuân	18/11/1988	x	Kinh	Đông Hà - Q. Trĩ	Hương Hóa - Q. Trĩ	DHSP	VHVL	Khá	79.2	85		57	278.2	
32	Đinh Thị Hải Yến	30/03/1991	x	Kinh	TX Q. Trĩ - Q. Trĩ	TX Q. Trĩ - Q. Trĩ	DHSP	Chính quy	Khá			79	55	268	

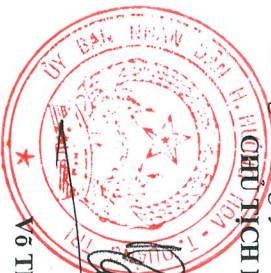
Danh sách này gồm có 32 thí sinh dự xét tuyển.

Người lập



Đinh Văn Dũng

Hương Hóa, ngày tháng 6 năm 2015



Võ Thanh

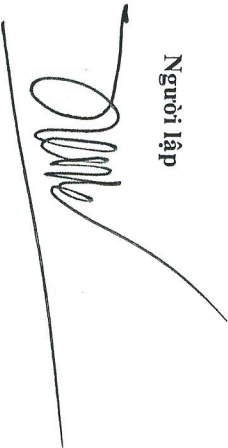
UBND HUYỆN HƯỚNG HOÀ
HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC

KẾT QUẢ ĐIỂM DỰ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC GIÁO DỤC NĂM 2014 LẦN 2
Ngạch: Giáo viên Mỹ Thuật

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nữ	Dân tộc	Quê quán	Hộ khẩu thường trú	Trình độ	Hệ đào tạo	Xếp loại TN	Điểm học tập	Điểm TN	Điểm tin chỉ	Điểm KTSH	Tổng điểm	Ghi chú
1	Phan Minh Đức	08/4/1988		Kinh	Cam Lộ - Q.Trị	Hướng Hóa - Q.Trị	CDSP	Chính quy	TB Khá	68.3	70		35	208.3	
2	Lê Thị Hà	01/10/1985	x	Kinh	Lê Thủy - Quảng Bình	Hướng Hóa - Q.Trị	CDSP	Chính quy	TB Khá	67.7	75		86	314.7	
3	Lê Đức Trí	31/01/1973		Kinh	Hải Lăng - Q.Trị	Hải Lăng - Q.Trị	CDSP	Chính quy	Giỏi	80.5	75		50	255.5	
4	Lê Công Tuấn	19/6/1992		Kinh	Triệu Phong - Q.Trị	Hướng Hóa - Q.Trị	DHSP	Chính quy	Khá	76	80		75	306	
5	Lê Phước Tuấn	15/9/1983		Kinh	Vĩnh Linh - Q.Trị	Hướng Hóa - Q.Trị	CDSP	Chính quy	TB Khá	68.2	70		75	288.2	
6	Nguyễn Hoài Vũ	14/7/1988		Kinh	Vĩnh Linh - Q.Trị	Hướng Hóa - Q.Trị	CDSP	Chính quy	Khá	73.2	75		60	268.2	

Danh sách này gồm có 06 thí sinh dự xét tuyển.

Người lập



Đinh Văn Dũng

Hướng Hóa, ngày tháng 5 năm 2015

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



Võ Thanh

UBND HUYỆN HƯỚNG HOÁ
HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC

KẾT QUẢ ĐIỂM DỰ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC GIÁO DỤC NĂM 2014 LẦN 2
Ngạch: Nhân viên Thiết bị

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nữ	Dân tộc	Quê quán	Hệ đào tạo	Trình độ	Xếp loại TN	Điểm học tập	Điểm TN	Điểm tin chỉ	Điểm KTSH	Tổng điểm	Ghi chú
1	Lê Thị Thuý An	10/01/1989	x	Kinh	Triệu Phong - Q. Trĩ	Chính quy	TC THPT	Khá	69	77		47	240	
2	Dương Mạnh Đạt	07/12/1990		Kinh	Triệu Phong - Q. Trĩ	Chính quy	Trung cấp	TB Khá	68	78.3		70	286.3	
3	Lê Thị Hiền	31/12/1992	x	Kinh	Vĩnh Linh - Q. Trĩ	Chính quy	TC THPT	TB	80	63		42	227	
4	Võ Thị Huệ	15/08/1988	x	Kinh	Hải Lăng - Q. Trĩ	Chính quy	Trung cấp	TB	70	65		90	315	
5	Lê Thị Mỹ Khánh	26/03/1992	x	Kinh	Triệu Phong - Q. Trĩ	Chính quy	TC THPT	TB Khá	72	57		30	189	
6	Trần Thành Luân	11/10/1988		Kinh	Triệu Phong - Q. Trĩ	Chính quy	Trung cấp	TB	69	70		37	213	
7	Nguyễn Thị Thanh Nhân	15/02/1991	x	Kinh	Triệu Phong - Q. Trĩ	Chính quy	Cao đẳng	Khá			70.4	42	224.8	
8	Nguyễn Thị Thanh Phương	01/6/1991	x	Kinh	Đông Hà - Q. Trĩ	Chính quy	TC THPT	TB Khá	69	55		40	204	

Danh sách này gồm có 08 thí sinh dự xét tuyển.

Người lập



Đinh Văn Dũng

Hướng Hoá, ngày tháng 6 năm 2015



Võ Thanh

UBND HUYỆN HƯỚNG HOÁ
HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC

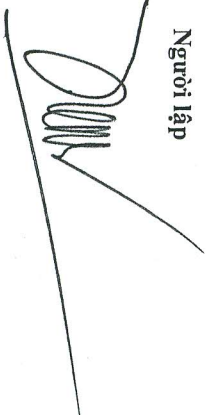
KẾT QUẢ ĐIỂM DỰ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC GIÁO DỤC NĂM 2014 LẦN 2
Ngạch: Nhân viên Y tế

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nữ	Dân tộc	Quê quán	Hộ khẩu thường trú	Trình độ	Hệ đào tạo	Xếp loại TN	Điểm học tập	Điểm TN	Điểm tin chỉ	Điểm KTSH	Tổng điểm	Ghi chú
1	Đỗ Duy Anh	01/03/1992		Kinh	Hưng Thủy-TT Huế	H.Hòa-Q.Tri	TC Y sỹ	Chính quy	TB-Khá	73	60			133	Vắng
2	Nguyễn Thị Kim Chi	16/09/1991	x	Kinh	Triệu Phong-Q.Tri	H.Hòa-Q.Tri	TC Y sỹ	Chính quy	Khá	72	85		60	277	
3	Hà Văn Chon	03/07/1990		Pa C6	H.Hòa-Q.Tri	H.Hòa-Q.Tri	TC Y sỹ	Chính quy	Giỏi	74	88		15	192	
4	Hà Thị Di	08/01/1990	x	Vân Kiều	H.Hòa-Q.Tri	H.Hòa-Q.Tri	TC Y sỹ	Cử tuyển	TB	68	55			123	Vắng
5	Hà Văn Giomg	05/06/1985		Vân Kiều	H.Hòa-Q.Tri	H.Hòa-Q.Tri	TC Y sỹ	Cử tuyển	TB-Khá	63	68			74.3	Vắng
6	Lê Thị Thu Hà	16/09/1991	x	Kinh	Triệu Phong-Q.Tri	H.Hòa-Q.Tri	TC Y sỹ	Chính quy	Giỏi	77	88			165	Vắng
7	Nguyễn Thị Thu Hằng	29/10/1989	x	Kinh	Triệu Phong-Q.Tri	H.Hòa-Q.Tri	TC Y sỹ	Chính quy	Khá	70	75		20	185	
8	Võ Thị Huyền	03/06/1993	x	Kinh	Triệu Phong-Q.Tri	H.Hòa-Q.Tri	TC Y sỹ	Chính quy	TB-Khá	69	67		30	196	
9	Hà Văn Ken	09/09/1985		Vân Kiều	H.Hòa-Q.Tri	H.Hòa-Q.Tri	TC Y sỹ	Cử tuyển	TB	60	62			122	Vắng
10	Hà Thị Lê	16/06/1986	x	Pa C6	H.Hòa-Q.Tri	H.Hòa-Q.Tri	TC Y sỹ	Cử tuyển	TB-Khá	63	65			128	Vắng
11	Lê Thị Phương Liên	20/06/1990	x	Kinh	Triệu Phong-Q.Tri	H.Hòa-Q.Tri	TC Y sỹ	Chính quy	Khá	75	68		67.5	278	
12	Hoàng Thị Loan	28/01/1993	x	Kinh	Triệu Phong-Q.Tri	H.Hòa-Q.Tri	TC Y sỹ	Chính quy	TB-Khá	67	70			137	Vắng
13	Trần Thị Luyện	18/07/1990	x	Kinh	Lê Thủy-Q.Bình	H.Hòa-Q.Tri	TC Y sỹ	Chính quy	Giỏi	75	87		65	292	
14	Hà Văn Mơi	03/08/1992		Pa C6	H.Hòa-Q.Tri	H.Hòa-Q.Tri	TC Y sỹ	Chính quy	TB	58	62			120	Vắng
15	Hà Ca Na	10/06/1982		Vân Kiều	Đakrông - Q.Tri	H.Hòa-Q.Tri	TC Y sỹ	Chính quy	Khá	73	77		72.5	295	
16	Võ Hoàng Nam	05/02/1993		Kinh	Triệu Phong-Q.Tri	H.Hòa-Q.Tri	TC Y sỹ	Chính quy	TB-Khá	67	75		86	314	
17	Phan Thị Kiều Ngân	26/02/1994	x	Kinh	Hải Lăng - Q.Tri	H.Hòa-Q.Tri	TC Y sỹ	Chính quy	Khá	71	82		80	313	
18	Trương Thị Kim Ngọc	26/04/1994	x	Kinh	Triệu Phong-Q.Tri	H.Hòa-Q.Tri	TC Y sỹ	Chính quy	Khá	74	78			152	Vắng
19	Nguyễn Thị Ánh Nguyệt	01/03/1994	x	Kinh	Triệu Phong-Q.Tri	H.Hòa-Q.Tri	TC Y sỹ	Chính quy	TB-Khá	66	78		10	164	
20	Nguyễn Thị Ánh Nhi	15/01/1993	x	Kinh	Triệu Phong-Q.Tri	H.Hòa-Q.Tri	TC Y sỹ	Chính quy	TB	74	90		80	324	
21	Lê Thị Kiều Nhi	08/04/1993	x	Kinh	Triệu Phong-Q.Tri	H.Hòa-Q.Tri	TC Y sỹ	Chính quy	Giỏi	75	87		75	312	
22	Nguyễn Thị Tuyết Nhi	10/10/1990	x	Kinh	Triệu Phong-Q.Tri	H.Hòa-Q.Tri	TC Y sỹ	Chính quy	Khá	75.1	80		75	305.1	
23	Hoàng Thị Như	06/02/1993	x	Kinh	Triệu Phong-Q.Tri	H.Hòa-Q.Tri	TC Y sỹ	Chính quy	Giỏi	80	90		70	310	
24	Đoàn Thị Kiều Oanh	15/10/1992	x	Kinh	Triệu Phong-Q.Tri	H.Hòa-Q.Tri	TC Y sỹ	Chính quy	Khá	74	80		75	304	
25	Hà Văn Phán	05/06/1989		Vân Kiều	H.Hòa-Q.Tri	H.Hòa-Q.Tri	TC Y sỹ	Chính quy	TB	66	65		0	131	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nữ	Dân tộc	Quê quán	Hộ khẩu thường trú	Trình độ	Hệ đào tạo	Xếp loại TN	Điểm học tập	Điểm TN	Điểm tin chỉ	Điểm KTSH	Tổng điểm	Ghi chú
26	Nguyễn Thị Hồng Phúc	02/02/1992	x	Kinh	Triều Phong-Q.Trị	H.Hóa-Q.Trị	TC Y sỹ	Chính quy	Khá	70	78		75	298	
27	Nguyễn Thị Hoàng Phương	11/04/1993	x	Kinh	Triều Phong-Q.Trị	H.Hóa-Q.Trị	TC Y sỹ	Chính quy	Khá	73	73		85	316	
28	Lê Trúc Phương	10/01/1993	x	Kinh	Triều Phong-Q.Trị	H.Hóa-Q.Trị	TC Y sỹ	Chính quy	Khá	72	83		50	255	
29	Lê Thị Quyên	06/06/1989	x	Văn Kiêu	H.Hóa-Q.Trị	H.Hóa-Q.Trị	TC Y sỹ	Cử tuyển	Khá	71	80			151	Vắng
30	Nguyễn Thị Quỳnh	30/08/1993	x	Kinh	Vĩnh Linh - Q.Trị	H.Hóa-Q.Trị	TC Y sỹ	Chính quy	TB-Khá	71	53		55	234	
31	Nguyễn Thị Mai Strong	16/09/1993	x	Kinh	Đông Hà - Q.Trị	H.Hóa-Q.Trị	TC Y sỹ	Chính quy	Giỏi	80	90		70	310	
32	Trần Thị Thu Strong	20/06/1994	x	Kinh	Cam Lộ - Q.Trị	H.Hóa-Q.Trị	TC Y sỹ	Chính quy	Khá	74	77		80	311	
33	Lê Chi Thanh	09/01/1990		Kinh	Gio Linh - Q.Trị	H.Hóa-Q.Trị	TC Y sỹ	Chính quy	Giỏi	79	82		70	301	
34	Hồ Văn Thiện	01/01/1985		Văn Kiêu	H.Hóa-Q.Trị	H.Hóa-Q.Trị	TC Y sỹ	Cử tuyển	TB-Khá	62	55			117	Vắng
35	Lê Đức Thông	25/03/1992		Kinh	Triều Phong-Q.Trị	H.Hóa-Q.Trị	TC Y sỹ	Chính quy	Khá	72	85			157	Vắng
36	Hồ Văn Thu	23/07/1988		Văn Kiêu	H.Hóa-Q.Trị	H.Hóa-Q.Trị	TC Y sỹ	Cử tuyển	TB	66	72		75	288	
37	Hoàng Thị Thanh Thủy	20/08/1993	x	Kinh	Triều Phong-Q.Trị	H.Hóa-Q.Trị	TC Y sỹ	Chính quy	Khá	74	75		70	289	
38	Lê Văn Tình	04/03/1990		Kinh	Triều Phong-Q.Trị	H.Hóa-Q.Trị	TC Y sỹ	Chính quy	TB	66	65			131	Vắng
39	Đỗ Nam Linh Trang	01/11/1984		Kinh	Triều Phong-Q.Trị	H.Hóa-Q.Trị	TC Y sỹ	Chính quy	Khá	67	77		70	284	
40	Hồ Văn Tường	10/03/1987		Văn Kiêu	H.Hóa-Q.Trị	H.Hóa-Q.Trị	TC Y sỹ	Cử tuyển	TB-Khá	61	62			123	Vắng
41	Hồ Văn Vang	29/02/1987		Văn Kiêu	Đakrông - Q.Trị	H.Hóa-Q.Trị	TC Y sỹ	Cử tuyển	TB	62	68		70	270	
42	Nguyễn Hữu Vinh	14/08/1987		Kinh	Vĩnh Linh - Q.Trị	H.Hóa-Q.Trị	TC Y sỹ	Chính quy	TB-Khá	69	73		35	212	
43	Nguyễn Phương Vũ	02/03/1993		Kinh	Quảng Ninh - Q.Bình	H.Hóa-Q.Trị	TC Y sỹ	Chính quy	TB-Khá	64	72		40	216	
44	Hồ Văn Vỹ	28/05/1988		Văn Kiêu	H.Hóa-Q.Trị	H.Hóa-Q.Trị	TC Y sỹ	Cử tuyển	TB-Khá	66	67			133	Vắng
45	Hồ Cu Xua	03/02/1992		Pa Cô	H.Hóa-Q.Trị	H.Hóa-Q.Trị	TC Y sỹ	Chính quy	TB	65	62		0	127	

Danh sách này gồm có 45 thí sinh dự xét tuyển.

Người lập



Đinh Văn Dũng

Hướng Học ngày tháng 5 năm 2015
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

Võ Thanh

UBND HUYỆN HUỖNG HOÁ
HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC

KẾT QUẢ ĐIỂM DỰ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC GIÁO DỤC NĂM 2014 LẦN 2
Ngạch: Giáo viên Tiểu học

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nữ	Dân tộc	Quê quán	Hộ khẩu thường trú	Trình độ	Hệ đào tạo	Xếp loại TN	Điểm học tập	Điểm TN	Điểm tin chỉ	Điểm KTSH	Tổng điểm	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Thùy An	04/03/1989	x	Kinh	Vĩnh Linh - Q. Trĩ	Hương Hóa - Q. Trĩ	CĐSP	Chính quy	Khá			73.6	45	237.2	
2	Lê Thị Quỳnh Anh	25/04/1993	x	Kinh	Cam Lộ - Q. Trĩ	Hương Hóa - Q. Trĩ	CĐSP	Chính quy	Khá			72.5	32.5	210	
3	Võ Thị Ngọc Ánh	05/08/1992	x	Kinh	Hải Lăng - Q. Trĩ	Hương Hóa - Q. Trĩ	DHSP	Chính quy	Khá			78.5	43	243	
4	Lê Thị Công Bình	05/09/1993	x	Kinh	Hải Lăng - Q. Trĩ	Đakrông - Q. Trĩ	CĐSP	Chính quy	Khá			78.3	29.5	215.6	
5	Nguyễn Thị Cam	20/01/1991	x	Kinh	Đông Hà - Q. Trĩ	Đông Hà - Q. Trĩ	CĐSP	Chính quy	Khá			74.1	64	276.2	
6	Hồ Văn Chính	12/08/1990		Vân Kiều	Hương Hóa - Q. Trĩ	Hương Hóa - Q. Trĩ	CĐSP	Chính quy	Khá	75.1	70		6	157.1	
7	Hoàng Thị Kim Chung	01/08/1988	x	Kinh	Triệu Phong - Q. Trĩ	Hương Hóa - Q. Trĩ	CĐSP	Chính quy	Khá	76.5	83.3		62	283.8	
8	Bùi Thị Minh Dung	18/10/1989	x	Kinh	Hương Phú - TT Huế	Hương Hóa - Q. Trĩ	DHSP	Từ xa	TB Khá	65.2	65		31	192.2	
9	Trần Thị Phương Dung	15/11/1992	x	Kinh	Vĩnh Linh - Q. Trĩ	Hương Hóa - Q. Trĩ	CĐSP	Chính quy	Khá			72	31.5	207	
10	Trương Thị Thủy Dung	01/10/1988	x	Kinh	Gio Linh - Q. Trĩ	Hương Hóa - Q. Trĩ	CĐSP	Chính quy	TB			69.7	38.5	216.4	Vắng
11	Hồ Thị Cẩm Dư	10/06/1992	x	Kinh	Hương Hóa - Q. Trĩ	Đakrông - Q. Trĩ	DHSP	Chính quy	Khá			74.8		149.6	
12	Nguyễn Thị Linh Giang	14/07/1993	x	Kinh	Vĩnh Linh - Q. Trĩ	Vĩnh Linh - Q. Trĩ	CĐSP	Chính quy	Khá			72.1	42	228.2	
13	Lê Thị Hà	10/04/1992	x	Kinh	Hoàng Hóa - Thanh Hóa	Đông Hà - Q. Trĩ	CĐSP	Chính quy	Khá			68.7		137.4	Vắng
14	Lê Thị Thu Hà	18/06/1992	x	Kinh	Triệu Phong - Q. Trĩ	Hương Hóa - Q. Trĩ	DHSP	Chính quy	Khá			74.7	85.5	320.4	
15	Nguyễn Thị Thu Hà	17/02/1991	x	Kinh	Triệu Phong - Q. Trĩ	Hương Hóa - Q. Trĩ	CĐSP	Chính quy	Khá			69.9	22	183.8	
16	Đào Thị Hai	21/5/1991	x	Kinh	Đakrông - Q. Trĩ	Đakrông - Q. Trĩ	CĐSP	Chính quy	Giỏi			82.1		164.2	Vắng
17	Phạm Minh Hành	27/04/1992	x	Kinh	Quảng Trạch - Q. Bình	Hương Hóa - Q. Trĩ	CĐSP	Chính quy	Khá			74.7	35	219.4	
18	Nguyễn Thị Mỹ Hành	10/02/1992	x	Kinh	Lê Thủy - Q. Bình	Hương Hóa - Q. Trĩ	CĐSP	Chính quy	Khá			78.7	49	255.4	
19	Lê Thị Hành	19/05/1991	x	Kinh	Triệu Phong - Q. Trĩ	Triệu Phong - Q. Trĩ	DHSP	Chính quy	Khá			73.5		147	Vắng
20	Võ Thị Hạnh	02/11/1989	x	Kinh	Hải Lăng - Q. Trĩ	Hương Hóa - Q. Trĩ	DHSP	Chính quy	Khá	71.1	55		50.5	227.1	
21	Phùng Lê Hằng	30/04/1991	x	Kinh	Vĩnh Linh - Q. Trĩ	Vĩnh Linh - Q. Trĩ	DHSP	Chính quy	Khá			74.8	60	269.6	
22	Phạm Thị Thu Hằng	09/10/1989	x	Kinh	Vĩnh Linh - Q. Trĩ	Hương Hóa - Q. Trĩ	CĐSP	Chính quy	Khá	75.8	80		29.5	214.8	
23	Nguyễn Thị Thủy Hằng	07/04/1990	x	Kinh	Vĩnh Linh - Q. Trĩ	Hương Hóa - Q. Trĩ	CĐSP	Chính quy	Giỏi			78.9	49	255.8	
24	Hồ Thị Minh Hậu	18/06/1991	x	Pa cô	Đakrông - Q. Trĩ	Đakrông - Q. Trĩ	DHSP	Chính quy	Khá			72.6	41.5	228.2	
25	Lê Thị Hiền	01/01/1985	x	Kinh	Triệu Phong - Q. Trĩ	Đakrông - Q. Trĩ	DHSP	Từ xa	TB Khá	71.4	67.5			138.9	Vắng

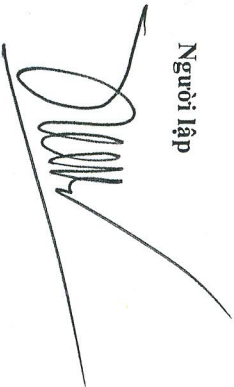
TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nữ	Dân tộc	Quê quán	Hộ khẩu thường trú	Trình độ	Hệ đào tạo	Xếp loại TN	Điểm học tập	Điểm TN	Điểm tin chỉ	Điểm KTSH	Tổng điểm	Ghi chú
26	Nguyễn Thị Hiền	08/08/1991	x	Kinh	Triệu Phong - Q.Tri	Triệu Phong - Q.Tri	DHSP	VHVL	Khá	76.6	70		66.5	279.6	
27	Nguyễn Thị Hiền	30/07/1992	x	Kinh	Triệu Phong - Q.Tri	Hương Hóa - Q.Tri	DHSP	Chính quy	Khá			76.5	59	271	
28	Nguyễn Thị Mỹ Hoa	24/06/1991	x	Kinh	Triệu Phong - Q.Tri	Hương Hóa - Q.Tri	DHSP	VL.VH	TB Khá	64.3	65		56.5	242.3	
29	Đỗ Thị Hòa	09/04/1991	x	Kinh	Hương Trà - TT.Huế	Hương Hóa - Q.Tri	CDSP	Chính quy	Khá			75.3	70	290.6	
30	Phạm Thị Hòa	20/10/1990	x	Kinh	Triệu Phong - Q.Tri	Hương Hóa - Q.Tri	Trung cấp	Chính quy	TB Khá	67	60		84.5	296	
31	Lê Thị Hồng	07/03/1993	x	Kinh	Triệu Phong - Q.Tri	Hương Hóa - Q.Tri	CDSP	Chính quy	Khá			74.7	69.5	288.4	
32	Hồ Thị Hợp	11/10/1990	x	Pa cô	Đakrông - Q.Tri	Đakrông - Q.Tri	CDSP	Chính quy	Khá	76.5	83.3			159.8	Vắng
33	Hoàng Thị Huệ	14/04/1987	x	Kinh	Cam Lộ - Q.Tri	Hương Hóa - Q.Tri	CDSP	VL.VH	Giỏi	80.7	85		43	251.7	
34	Trương Thị Huệ	08/01/1993	x	Kinh	Hương Trà - TT.Huế	Vĩnh Linh - Q.Tri	CDSP	Chính quy	TB Khá			66.6		133.2	Vắng
35	Đinh Thị Ánh Huyền	16/06/1991	x	Kinh	Lê Thủy - Q.Bình	Hương Hóa - Q.Tri	CDSP	Chính quy	Khá			71.8	33.5	210.6	
36	Nguyễn Phước Hưng	12/06/1993		Kinh	Triệu Phong - Q.Tri	Hương Hóa - Q.Tri	CDSP	Chính quy	Khá			71.6	30	203.2	
37	Lê Thị Diệp Hương	20/09/1989	x	Kinh	Triệu Phong - Q.Tri	Hương Hóa - Q.Tri	CDSP	Chính quy	Khá			75.8	83.5	318.6	
38	Nguyễn Thị Thu Hương	06/04/1991	x	Kinh	Đông Hà - Q.Tri	Hương Hóa - Q.Tri	CDSP	Chính quy	Khá			75.9	66.5	284.8	
39	Hồ Văn Kiên	12/07/1993		Vân Kiều	Đakrông - Q.Tri	Đakrông - Q.Tri	CDSP	Chính quy	TB Khá			66.7	11.5	156.4	
40	Nguyễn Phan Lê	14/08/1993	x	Kinh	Triệu Phong - Q.Tri	Hương Hóa - Q.Tri	CDSP	Chính quy	Khá			78.5	67	291	
41	Lê Thị Ái Liên	15/01/1987	x	Kinh	Cam Lộ - Q.Tri	Cam Lộ - Q.Tri	CDSP	Chính quy	TB Khá	67.6	66.6		85.5	305.2	
42	Trần Thị Liên	26/08/1988	x	Kinh	Vĩnh Linh - Q.Tri	Hương Hóa - Q.Tri	DHSP	Từ xa	TB Khá	63.9	67.5		29.5	190.4	
43	Nguyễn Thị Diệu Linh	01/10/1990	x	Kinh	Vĩnh Linh - Q.Tri	Cam Lộ - Q.Tri	CDSP	Chính quy	Khá	78.3	80		65	288.3	
44	Lê Thị Mỹ Linh	05/03/1991	x	Kinh	Triệu Phong - Q.Tri	Triệu Phong - Q.Tri	CDSP	Chính quy	Khá			79.5	29.5	218	
45	Võ Thị Thủy Linh	09/05/1990	x	Kinh	Đông Hà - Q.Tri	Hương Hóa - Q.Tri	Trung cấp	Chính quy	TB Khá	70	65		26	187	
46	Lê Thị Kim Loan	03/03/1993	x	Kinh	Hương Trà - TT.Huế	Hương Hóa - Q.Tri	CDSP	Chính quy	Giỏi			83.7	28.5	224.4	
47	Hồ Thị Lộc	16/06/1990	x	Vân Kiều	Gio Linh - Q.Tri	Hương Hóa - Q.Tri	DHSP	Chính quy	TB			64.6	21.5	172.2	
48	Nguyễn Thị Thanh Lưu	28/01/1989	x	Kinh	Triệu Phong - Q.Tri	Hương Hóa - Q.Tri	CDSP	Chính quy	Khá			77.5	35	225	
49	Phạm Văn Mạnh	26/8/1990		Kinh	Triệu Phong - Q.Tri	Triệu Phong - Q.Tri	DHSP	Chính quy	Khá			69.7	31	201.4	
50	Hồ Thị Mật	08/03/1989	x	Pa cô	Hương Hóa - Q.Tri	Hương Hóa - Q.Tri	CDSP	Chính quy	Khá			67.3	30.5	195.6	
51	Hồ Thị Miên	03/04/1988	x	Vân Kiều	Hương Hóa - Q.Tri	Hương Hóa - Q.Tri	Trung cấp	Chính quy	TB Khá	71.25	57		30.5	189.3	
52	Nguyễn Thị Thanh Minh	12/07/1989	x	Kinh	Vĩnh Linh - Q.Tri	Hương Hóa - Q.Tri	DHSP	Từ xa	Khá	71.1	70		30	201.1	
53	Võ Thị Mơ	08/07/1991	x	Kinh	Hải Lăng - Q.Tri	Hương Hóa - Q.Tri	CDSP	Chính quy	TB Khá			66.2		132.4	Vắng
54	Hoàng Thị Trà My	12/09/1989	x	Kinh	Cam Lộ - Q.Tri	Cam Lộ - Q.Tri	CDSP	Chính quy	Khá	76.7	80		36.5	229.7	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nữ	Dân tộc	Quê quán	Hộ khẩu thường trú	Trình độ	Hệ đào tạo	Xếp loại TN	Điểm học tập	Điểm TN	Điểm tin chỉ	Điểm KTSH	Tổng điểm	Ghi chú
55	Nguyễn Thị Hữu Nga	14/09/1987	x	Kinh	Bố Trạch - Q.Bình	Hướng Hóa - Q.Trị	Trung cấp	Chính quy	TB Khá	64	62		126		Vắng
56	Hoàng Thị Nga	28/6/1990	x	Kinh	Triệu Phong - Q.Trị	Triệu Phong - Q.Trị	CDSP	Chính quy	Khá			73.2	33	212.4	
57	Bùi Thị Việt Nga	15/01/1991	x	Kinh	Xuân Trường - Nam Định	Hướng Hóa - Q.Trị	CDSP	Chính quy	Khá			72.4	34.5	213.8	
58	Nguyễn Thị Kim Ngân	01/01/1993	x	Kinh	Triệu Phong - Q.Trị	Hướng Hóa - Q.Trị	CDSP	Chính quy	Khá			77.9	44	243.8	
59	Hồ Thị Ngân	30/4/1988	x	Văn Kiêu	Hướng Hóa - Q.Trị	Hướng Hóa - Q.Trị	Trung cấp	Chính quy	TB Khá	70.25	65		22.5	180.3	
60	Hồ Thị Bích Ngọc	05/08/1993	x	Kinh	Cam Lộ - Q.Trị	Hướng Hóa - Q.Trị	CDSP	Chính quy	Khá			71.3		142.6	Vắng
61	Đặng Thị Lê Ngọc	09/10/1990	x	Kinh	Triệu Phong - Q.Trị	Triệu Phong - Q.Trị	DHSP	Chính quy	Khá			72.6	38.5	222.2	
62	Võ Thanh Ngọc	16/09/1992	x	Kinh	Triệu Phong - Q.Trị	Hướng Hóa - Q.Trị	DHSP	Chính quy	Khá			75.9	34	219.8	
63	Nguyễn Thị Thảo Nguyễn	10/10/1992	x	Kinh	Cam Lộ - Q.Trị	Hướng Hóa - Q.Trị	Trung cấp	Chính quy	Giỏi	83	92		75	325	
64	Hoàng Thị Nguyệt	01/01/1991	x	Kinh	Cam Lộ - Q.Trị	Cam Lộ - Q.Trị	CDSP	Chính quy	Khá			71.3	86	314.6	
65	Hồ Thị Nguyệt	28/02/1992	x	Kinh	Vĩnh Linh - Q.Trị	Vĩnh Linh - Q.Trị	CDSP	Chính quy	Khá			76.6		153.2	Vắng
66	Lê Thị Nguyệt	23/11/1990	x	Kinh	Hải Lăng - Q.Trị	Hướng Hóa - Q.Trị	CDSP	Chính quy	Khá			77.8	34.5	224.6	
67	Nguyễn Thị Thanh Nhân	09/07/1993	x	Kinh	Triệu Phong - Q.Trị	Hướng Hóa - Q.Trị	CDSP	Chính quy	Giỏi			84.9	89	347.8	Vắng
68	Nguyễn Thị Thảo Nhi	17/06/1990	x	Kinh	Cam Lộ - Q.Trị	Cam Lộ - Q.Trị	CDSP	Chính quy	Khá			70.7		141.4	
69	Nguyễn Thị Thùy Nhi	13/03/1993	x	Kinh	Triệu Phong - Q.Trị	Hướng Hóa - Q.Trị	CDSP	Chính quy	Khá			75	32	214	
70	Lê Thị Như	08/12/1991	x	Kinh	Cam Lộ - Q.Trị	Hướng Hóa - Q.Trị	CDSP	Chính quy	Khá			73.3	60	266.6	
71	Nguyễn Thị Hồng Nhung	14/02/1993	x	Kinh	Gio Linh - Q.Trị	Hướng Hóa - Q.Trị	CDSP	Chính quy	Giỏi			81.4	38	238.8	
72	Trương Thị Nhung	09/10/1989	x	Kinh	Gio Linh - Q.Trị	Hướng Hóa - Q.Trị	Trung cấp	Chính quy	TB Khá	69	60		40	209	
73	Võ Thị Hoàng Oanh	25/01/1992	x	Kinh	Triệu Phong - Q.Trị	Hướng Hóa - Q.Trị	DHSP	Chính quy	Khá			78.7	44.5	246.4	
74	Trần Thị Quỳnh	22/05/1991	x	Kinh	Vĩnh Linh - Q.Trị	Đakrông - Q.Trị	CDSP	Chính quy	Khá			72.1	32.5	209.2	
75	Nguyễn Thị Thu Sa	25/05/1992	x	Kinh	Triệu Phong - Q.Trị	Triệu Phong - Q.Trị	CDSP	Chính quy	Khá			77.6		155.2	Vắng
76	Hoàng Thị Sen	06/07/1992	x	Kinh	Gio Linh - Q.Trị	Gio Linh - Q.Trị	CDSP	Chính quy	Khá			72.6	34	213.2	
77	Lê Thị Thu Strong	14/10/1992	x	Kinh	Triệu Phong - Q.Trị	Triệu Phong - Q.Trị	CDSP	Chính quy	Giỏi			82.6	45	255.2	
78	Đào Hồng Thanh	28/06/1991	x	Kinh	Cam Lộ - Q.Trị	Cam Lộ - Q.Trị	CDSP	Chính quy	Khá			79.7	34.5	228.4	
79	Trần Thị Thanh	02/06/1990	x	Kinh	Phong Điền - TT Huế	Hướng Hóa - Q.Trị	DHSP	Chính quy	Khá			77.2	32.5	219.4	
80	Hoàng Thị Thu Thanh	19/08/1992	x	Kinh	Triệu Phong - Q.Trị	Triệu Phong - Q.Trị	CDSP	Chính quy	Khá			71.3		142.6	Vắng
81	Nguyễn Thị Bích Thảo	19/08/1988	x	Kinh	Triệu Phong - Q.Trị	Hướng Hóa - Q.Trị	DHSP	Từ xa	Khá	65.2	75		41	222.2	
82	Nguyễn Thị Phương Thảo	23/03/1990	x	Kinh	Vĩnh Linh - Q.Trị	Hướng Hóa - Q.Trị	CDSP	Chính quy	Khá			71.1	62	266.2	
83	Bùi Thị Thảo	28/03/1992	x	Kinh	Vĩnh Linh - Q.Trị	Vĩnh Linh - Q.Trị	CDSP	Chính quy	Giỏi			81.1	36	234.2	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nữ	Dân tộc	Quê quán	Hộ khẩu thường trú	Trình độ	Hệ đào tạo	Xếp loại TN	Điểm học tập	Điểm TN	Điểm tin chỉ	Điểm KTSH	Tổng điểm	Ghi chú
84	Ngô Thị Thảo	10/04/1992	x	Kinh	Triệu Phong - Q. Tr	Triệu Phong - Q. Tr	CDSP	Chính quy	Khá			71.4	87	316.8	
85	Hồ Văn Thoi	05/06/1990		Văn Kiêu	Hương Hòa - Q. Tr	Hương Hòa - Q. Tr	Trung cấp	Chính quy	Khá	75	66		19	179	
86	Trần Thị Thủy	22/10/1990	x	Kinh	Gio Linh - Q. Tr	Hương Hòa - Q. Tr	CDSP	Chính quy	Khá			74.7	75	299.4	
87	Trần Thị Thủy	26/11/1990	x	Kinh	Triệu Phong - Q. Tr	Triệu Phong - Q. Tr	CDSP	Chính quy	Khá			72.6	37.5	220.2	
88	Lê Thị Hoài Thương	17/04/1991	x	Kinh	Triệu Phong - Q. Tr	Triệu Phong - Q. Tr	CDSP	Chính quy	Khá			73.9		147.8	Vắng
89	Nguyễn Thị Minh Thương	19/10/1991	x	Kinh	Vĩnh Linh - Q. Tr	Vĩnh Linh - Q. Tr	CDSP	Chính quy	Khá			73.5	51.5	250	
90	Phan Thị Thu Thương	20/11/1990	x	Kinh	Triệu Phong - Q. Tr	Hương Hòa - Q. Tr	CDSP	Chính quy	Khá			73.2		146.4	Vắng
91	Lê Kiều Tiên	10/04/1993	x	Kinh	Vĩnh Linh - Q. Tr	Hương Hòa - Q. Tr	CDSP	Chính quy	Khá			70.2	57.5	255.4	
92	Phan Thị Toái	20/02/1993	x	Kinh	Triệu Phong - Q. Tr	Hương Hòa - Q. Tr	CDSP	Chính quy	Khá			71	44.5	231	
93	Trần Huyền Trang	28/03/1989	x	Kinh	Lý Nhân - Hà Nam	Hương Hòa - Q. Tr	CDSP	VHVL	Khá			73.7	57	261.4	
94	Lê Thị Trang	10/02/1989	x	Kinh	Triệu Phong - Q. Tr	Hương Hòa - Q. Tr	DHSP	VL VH	TB Khá	65.4	55		52.5	225.4	
95	Trương Thị Vân	16/02/1989	x	Kinh	Kim Sơn - Ninh Bình	Hương Hòa - Q. Tr	Trung cấp	Chính quy	TB Khá	72	57		81	291	
96	Hồ Thị Viên	19/07/1992	x	Văn Kiêu	Đakrông - Q. Tr	Hương Hòa - Q. Tr	CDSP	Chính quy	TB Khá			68.6	66.5	270.2	
97	Đoàn Thị Vũ	01/02/1991	x	Kinh	Gio Linh - Q. Tr	Gio Linh - Q. Tr	CDSP	Chính quy	Giỏi			80.6		161.2	Vắng
98	Nguyễn Thị Tường Vy	04/10/1991	x	Kinh	Vĩnh Linh - Q. Tr	Hương Hòa - Q. Tr	DHSP	Chính quy	Khá			74.7	70	289.4	
99	Trương Thị Như Ý	11/09/1992	x	Kinh	Triệu Phong - Q. Tr	Hương Hòa - Q. Tr	CDSP	Chính quy	Khá			70.9	45.5	232.8	
100	Đỗ Hải Yến	24/12/1990	x	Kinh	Xuân Trường - Nam Định	Hương Hòa - Q. Tr	CDSP	Chính quy	Khá			74	35	218	
101	Nguyễn Thị Yên	08/07/1989	x	Kinh	Triệu Phong - Q. Tr	Hương Hòa - Q. Tr	DHSP	Chính quy	Khá			75.6	46	243.2	

Danh sách này gồm có 101 thí sinh dự xét tuyển.

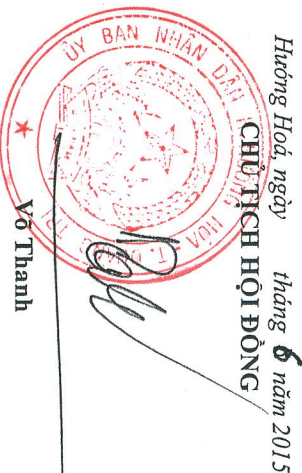
Người lập



Đinh Văn Dũng

Hương Hóa, ngày tháng 6 năm 2015

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



Võ Thanh

UBND HUYỆN HƯƠNG HOÀ
HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC

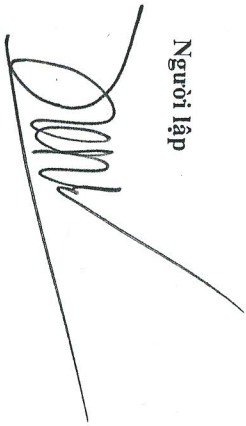
KẾT QUẢ ĐIỂM DỰ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC GIÁO DỤC NĂM 2014 LẦN 2
Ngạch: Giáo viên Tổng phụ trách Đội

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nữ	Dân tộc	Quê quán	Hộ khẩu thường trú	Trình độ	Hệ đào tạo	Xếp loại TN	Điểm học tập	Điểm TN	Điểm tin chỉ	Điểm KTSH	Tổng điểm	Ghi chú
1	Mai Đức Anh	2/3/1989		Kinh	Yên Mỹ - Ninh Bình	Hương Hòa - Q.Trị	DHSP GDTC	Chính quy	TB-Khá	63.5	65		87	302.5	
2	Nguyễn Hải Đăng	15/04/1991		Kinh	Triệu Phong-Q.Trị	H.Hòa-Q.Trị	DHSP GDTC	Chính quy	TB-Khá	69.8	65		50	234.8	
3	Hà Văn Hải	10/02/1984		Kinh	Cam Lộ-Q.Trị	Cam Lộ-Q.Trị	DHSP Văn	Chính quy	Khá	79.7	90		60	289.7	
4	Hồ Thị Hậu	15/07/1990	x	Pa Kô	H.Hòa-Q.Trị	H.Hòa-Q.Trị	DHSP Địa	Chính quy	Khá			70.4	40	220.8	
5	Trương Thành Hưng	07/01/1988		Kinh	Triệu Phong-Q.Trị	H.Hòa-Q.Trị	DHSP GDTC	Chính quy	Khá	75.7	75		75	300.7	
6	Vũ Kỳ Khôi	10/03/1989		Kinh	Triệu Phong-Q.Trị	H.Hòa-Q.Trị	DHSP GDTC	Chính quy	Khá	77.2	65		80	302.2	
7	Nguyễn Tùng Lâm	19/11/1989		Kinh	Triệu Phong-Q.Trị	H.Hòa-Q.Trị	DHSP TC	Chính quy	TB-Khá	67.5	75		75	292.5	
8	Nguyễn Thị Lệ	29/03/1989	x	Kinh	Vĩnh Linh - Q.Trị	H.Hòa-Q.Trị	DHSP Văn	VHVL	Giỏi	82.7	85		50	267.7	
9	Nguyễn Văn Linh	26/10/1987		Kinh	Triệu Phong-Q.Trị	H.Hòa-Q.Trị	CĐSP Văn	Chính quy	Khá	70.2	75		78	301.2	
10	Hồ A Lồng	01/02/1989		VK	H.Hòa-Q.Trị	H.Hòa-Q.Trị	DHSP Sinh	Cử tuyển	Khá			73.2	55	256.4	
11	Trần Thị Diệu Lý	05/04/1992	x	Kinh	Vĩnh Linh - Q.Trị	Vĩnh Linh-Q.Trị	CĐSP Văn	Chính quy	Khá			73.2	80	306.4	
12	Đỗ Thị Nguyệt Minh	30/04/1987	x	Kinh	Bắc Cạn	H.Hòa-Q.Trị	DHSP Địa	VHVL	Khá	72.3	90		40	242.3	
13	Trần Thị Ngân	01/04/1990	x	Kinh	Nghệ An	H.Hòa-Q.Trị	CĐSP GDTC	Chính quy	Khá	72.2	75		50	247.2	
14	Lê Thị Thanh Nhã	16/09/1993	x	Kinh	Cam Lộ-Q.Trị	Đồng Hà-Q.Trị	CĐSP Văn lý	Chính quy	Khá			71.7		143.4	Vắng
15	Trần Thị Phiến	28/08/1988	x	Kinh	Gio Linh-Q.Trị	Gio Linh-Q.Trị	CĐSP Nhạc	Chính quy	TB-Khá	63.4	56.7		70	260.1	
16	Nguyễn Thị Ngọc Phương	08/04/1992	x	Kinh	Triệu Phong-Q.Trị	H.Hòa-Q.Trị	DHSP Địa	Chính quy	Giỏi			82.3	40	244.6	
17	Nguyễn Văn Quế	02/04/1984		Kinh	Vĩnh Linh - Q.Trị	H.Hòa-Q.Trị	DHSP Địa	Tại chức	TB-Khá	66.7	80		55	256.7	
18	Nguyễn Sắc	11/12/1984		Kinh	Triệu Phong-Q.Trị	H.Hòa-Q.Trị	CĐSP GDTC	Chính quy	TB-Khá	72.9	80		50	252.9	
19	Nguyễn Thị Minh Tâm	10/11/1991	x	Kinh	Thái Bình	Đồng Hà-Q.Trị	CĐSP Toán	Chính quy	TB-Khá			67.5	40	215	
20	Nguyễn Thị Phương Tâm	12/04/1988	x	Kinh	Hoàng Hòa-Thanh Hòa	H.Hòa-Q.Trị	CĐSP Kỹ Thuật	Chính quy	Khá	72.4	80.3			152.7	Vắng
21	Lê Trung Tân	20/10/1988		Kinh	Triệu Phong-Q.Trị	H.Hòa-Q.Trị	DHSP GDTC	Chính quy	Khá	70.1	80		50	250.1	
22	Lê Thị Cẩm Thạch	06/08/1986	x	Kinh	Triệu Phong-Q.Trị	H.Hòa-Q.Trị	DHSP Kỹ thuật	VHVL	Khá	79.2	80			159.2	Vắng
23	Trần Văn Thi	21/03/1991		Kinh	Triệu Phong-Q.Trị	H.Hòa-Q.Trị	DHSP GDTC	Chính quy	Khá	74.5	85		70	299.5	
24	Hoàng Quang Thuận	10/06/1992		Kinh	Triệu Phong-Q.Trị	H.Hòa-Q.Trị	DHSP Địa	Chính quy	Khá			75.6	50	251.2	
25	Trương Thị Thanh Thủy	28/08/1987	x	Kinh	Triệu Phong-Q.Trị	H.Hòa-Q.Trị	CĐSP Văn	Chính quy	TB-Khá	67.8	76.7			144.5	Vắng

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nữ	Dân tộc	Quê quán	Hồ khẩu thường trú	Trình độ	Hệ đào tạo	Xếp loại TN	Điểm học tập	Điểm TN	Điểm tin chỉ	Điểm KTSH	Tổng điểm	Ghi chú
26	Lê Thị Thu Thủy	09/06/1991	x	Kinh	Triệu Phong-Q.Tri	H.Hòa-Q.Tri	DHSP GDTC	Chính quy	Khá	74.9	80		65	284.9	
27	Lê Thị Hoài Thương	18/02/1986	x	Kinh	Triệu Phong-Q.Tri	TX Quảng Trị - Q.Tri	DHSP Mỹ Thuật	Chính quy	Khá			71.1	50	242.2	
28	Trần Hữu Trọng	05/03/1991		Kinh	Lê Thủy-Q.Bình	H.Hòa-Q.Tri	DHSP GDTC	Chính quy	Khá	74.1	95		40	249.1	
29	Nguyễn Bảo Trung	13/09/1989		Kinh	Đông Hà - Q.Tri	H.Hòa-Q.Tri	DHSP GDTC	Chính quy	TB-Khá	66.6	65		50	231.6	
30	Nguyễn Thị Thanh Vy	08/07/1993	x	Kinh	Cam Lộ-Q.Tri	Cam Lộ-Q.Tri	CDSP Hóa	Chính quy	Khá			77.9	50	255.8	
31	Lê Thị Xuân	01/02/1984	x	Kinh	Lê Thủy-Q.Bình	H.Hòa-Q.Tri	DHSP TLGD	Chính quy	TB-Khá	69.7	66.7		80	296.4	
32	Mai Thị Hải Yến	12/01/1989	x	Kinh	Triệu Phong-Q.Tri	H.Hòa-Q.Tri	DHSP Địa	Chính quy	Khá			78.7		157.4	Vắng

Danh sách này gồm có 32 thí sinh dự xét tuyển.

Người lập



Đinh Văn Dũng

Hướng Học ngày tháng 6 năm 2015

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



Võ Thanh

UBND HUYỆN HUỖNG HOÁ
HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC

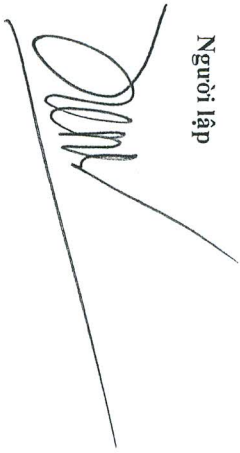
KẾT QUẢ ĐIỂM DỰ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC GIÁO DỤC NĂM 2014 LẦN 2
Ngày: Giáo viên Toán

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nữ	Dân tộc	Quê quán	Hệ thống thường trú	Trình độ	Hệ đào tạo	Xếp loại TN	Điểm học tập	Điểm TN	Điểm tin chỉ	Điểm KTSH	Tổng điểm	Ghi chú
1	Võ Thị Quỳnh Anh	29/6/1987	x	Kinh	Vĩnh Linh - Q.Trị	Đông Hà - Q.Trị	DHSP	VHVL	Khá			70.3		140.6	Vắng
2	Nguyễn Thanh Bùn	02/10/1980		Kinh	Triệu Phong - Q.Trị	Hương Hóa - Q.Trị	Thạc sỹ	Chính quy				76	45	242	
3	Lê Thị Minh Châu	02/4/1991	x	Kinh	Phù Vang - TT Huế	Đakrông-Q.Trị	DHSP	Chính quy	TB			66.4		132.8	Vắng
4	Nguyễn Thị Kim Cương	02/11/1990	x	Kinh	TX Quảng trị	Hương Hóa - Q.Trị	CDSP	Chính quy	TB			68.8		137.6	Vắng
5	Nguyễn Mạnh Dũng	03/4/1989		Kinh	Quảng Ninh- Q.Bình	Đông Hà - Q.Trị	DHSP	Chính quy	TB Khá			60.6	43	207.2	
6	Lê Thị Anh Đào	30/06/1992	x	Kinh	Cam Lộ -Q.Trị	Cam Lộ -Q.Trị	CDSP	Chính quy	TB Khá			61	10	142	
7	Mai Thị Lê Hằng	07/3/1990	x	Kinh	Triệu Phong - Q.Trị	Hương Hóa - Q.Trị	CDSP	Chính quy	Khá	75.2	80			155.2	Vắng
8	Lê Thị Hằng	18/3/1992	x	Kinh	Triệu Phong - Q.Trị	Hương Hóa - Q.Trị	CDSP	Chính quy	TB Khá			69.3	33	204.6	
9	Nguyễn Thị Hoa	24/6/1990	x	Kinh	Đông Hà- Q.Trị	Hương Hóa - Q.Trị	CDSP	Chính quy	TB			65.6	50	231.2	
10	Hồ Thị Minh Hòa	02/02/1992	x	Kinh	Quảng Trạch -Quảng Bình	Đông Hà - Q.Trị	DHSP	Chính quy	TB			65.2		130.4	Vắng
11	Châu Dương Hoài	26/05/1989		Kinh	Cam Lộ -Q.Trị	Hương Hóa - Q.Trị	DHSP	Chính quy	TB			60.8	67	255.6	
12	Nguyễn Khắc Hoài	26/3/1990		Kinh	Đông Hà- Q.Trị	Đông Hà - Q.Trị	CDSP	Chính quy	Khá			72.2	37	218.4	
13	Phan Mạnh Hùng	15/11/1991		Kinh	Hưng Nguyên-Nghệ An	TX Quảng Trị -Q.Trị	CDSP	Chính quy	TB Khá			63.1	65	256.2	
14	Nguyễn Thị Thu Hương	28/03/1991	x	Kinh	Triệu Phong - Q.Trị	Triệu Phong - Q.Trị	CDSP	Chính quy	TB			69.9	40	219.8	
15	Phan Thanh Kiên	15/02/1991		Kinh	TX Quảng trị	TX Quảng trị	DHSP	Chính quy	Khá			71.7	45	233.4	
16	Nguyễn Thị Thanh Ngân	26/3/1988	x	Kinh	Vĩnh Linh - Q.Trị	Vĩnh Linh-Q.Trị	DHSP	Chính quy	TB Khá			64	25	178	
17	Nguyễn Hữu Nhà	11/08/1991		Kinh	Triệu Phong - Q.Trị	Triệu Phong - Q.Trị	CDSP	Chính quy	TB			58.9	35	187.8	
18	Hoàng Phương	26/07/1985		Kinh	Vĩnh Linh - Q.Trị	Hương Hóa - Q.Trị	DHSP	VHVL	TB Khá			69.5	35	209	
19	Phan Thị Thanh Tâm	24/08/1992	x	Kinh	Triệu Phong - Q.Trị	Hương Hóa - Q.Trị	CDSP	Chính quy	TB Khá			63.3	70	266.6	
20	Trần Thị Phương Thảo	16/05/1989	x	Kinh	Hương Điền - TT Huế	Đông Hà - Q.Trị	CDSP	Chính quy	Khá	74.5	75		45	239.5	
21	Nguyễn Thái Thông	06/11/1990		Kinh	Vĩnh Linh - Q.Trị	Hương Hóa - Q.Trị	CDSP	Chính quy	TB			61.9	35	193.8	
22	Châu Thị Thương	24/6/1991	x	Kinh	Cam Lộ -Q.Trị	Hương Hóa - Q.Trị	DHSP	Chính quy	TB			66.5	60	253	
23	Phan Ngọc Toàn	20/01/1992		Kinh	Phù Vang - TT Huế	Hương Hóa - Q.Trị	CDSP	Chính quy	Khá			71.4	35	212.8	
24	Phạm Văn Toán	04/02/1991		Kinh	Triệu Phong - Q.Trị	Hương Hóa - Q.Trị	CDSP	Chính quy	TB			64.3	75	278.6	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nữ	Dân tộc	Quê quán	Hộ khẩu thường trú	Trình độ	Hệ đào tạo	Xếp loại TN	Điểm học tập	Điểm TN	Điểm tin chỉ	Điểm KTSH	Tổng điểm	Ghi chú
25	Nguyễn Thị Mỹ Tuyền	30/9/1990	x	Kinh	Gio Linh - Q. Trĩ	Gio Linh - Q. Trĩ	CBSP	Chính quy	TB			65.5	35	201	
26	Nguyễn Thị Thu Vân	13/10/1991	x	Kinh	Triệu Phong - Q. Trĩ	Hướng Hóa - Q. Trĩ	CBSP	Chính quy	TB Khá			66.2	30	192.4	
27	Nguyễn Lê Vũ	14/11/1991		Kinh	Triệu Phong - Q. Trĩ	Triệu Phong - Q. Trĩ	DHSP	Chính quy	Khá			71.6	40	223.2	

Danh sách này gồm có 27 thí sinh dự xét tuyển.

Người lập



Đinh Văn Dũng

Hướng Hóa, ngày tháng năm 2015

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



Võ Thanh

UBND HUYỆN HƯNG HOÁ
HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC

KẾT QUẢ ĐIỂM DỰ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC GIÁO DỤC NĂM 2014 LẦN 2
Ngày: Giáo viên Âm nhạc

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nữ	Dân tộc	Quê quán	Hộ khẩu thường trú	Trình độ	Hệ đào tạo	Xếp loại TN	Điểm học tập	Điểm TN	Điểm tin chỉ	Điểm KTSH	Tổng điểm	Ghi chú
1	Lê Văn Công	28/11/1989		Kinh	Triệu Phong-Q.Tri	H.Hóa-Q.Tri	CESP Nhạc	Chính quy	TB-Khá			68.8	90	317.6	
2	Nguyễn Thị Ngọc Diệu	08/10/1991	x	Kinh	Đông Hà-Q.Tri	Triệu Phong-Q.Tri	DHSP Nhạc	Chính quy	Khá	77.6	88			165.6	Vắng
3	Trần Thị Thanh Huyền	16/11/1993	x	Kinh	Vĩnh Linh-Q.Tri	Vĩnh Linh-Q.Tri	CESP Nhạc	Chính quy	Khá			76.2		152.4	Vắng
4	Nguyễn Thạch Lam	18/06/1991		Kinh	Triệu Phong-Q.Tri	H.Hóa-Q.Tri	DHSP Nhạc	Chính quy	Khá	76.1	88			164.1	Vắng
5	Nguyễn Thị Ngọc Linh	21/09/1984	x	Kinh	Đông Hà-Q.Tri	Hải Lăng-Q.Tri	CESP Nhạc	Chính quy	TB-Khá	67.3	66.7			134	Vắng
6	Phạm Văn Nhà	20/02/1992		Kinh	Triệu Phong-Q.Tri	H.Hóa-Q.Tri	DHSP Nhạc	Chính quy	Khá	71.3	71.3			142.6	Vắng
7	Lê Thị Thanh Nhân	20/02/1987	x	Kinh	Triệu Phong-Q.Tri	H.Hóa-Q.Tri	CESP Nhạc	Chính quy	Khá	75	78.3			153.3	Vắng
8	Trương Thị Quỳnh Nhi	23/04/1990	x	Kinh	Triệu Phong-Q.Tri	H.Hóa-Q.Tri	DHSP Nhạc	Chính quy	Khá	70.4	71		70	281.4	
9	Nguyễn Dương Thị Kim Oanh	08/10/1986	x	Kinh	Quảng Trạch-Q.Bình	H.Hóa-Q.Tri	CESP Nhạc	Tài chức	TB-Khá	65.2	63.3		90	308.5	
10	Lê Trọng Phúc	20/06/1990		Kinh	Triệu Phong-Q.Tri	H.Hóa-Q.Tri	DHSP Nhạc	Chính quy	TB-Khá	69.4	65.3		91.5	317.7	
11	Lê Thị Hà Phương	12/05/1990	x	Kinh	Vĩnh Linh-Q.Tri	H.Hóa-Q.Tri	DHSP Nhạc	Chính quy	Khá	75.3	83		80	318.3	
12	Hoàng Thị Thanh Tâm	15/03/1990	x	Kinh	Triệu Phong-Q.Tri	H.Hóa-Q.Tri	CESP Nhạc	Chính quy	Khá	74.8	92		75	316.8	
13	Lê Trọng Thăng	26/04/1986		Kinh	Triệu Phong-Q.Tri	H.Hóa-Q.Tri	CESP Nhạc	Chính quy	Khá	70.8	71.7		60	262.5	
14	Tư Thị Quỳnh Trang	02/03/1992	x	Kinh	Quảng Ninh-Q.Bình	H.Hóa-Q.Tri	DHSP Nhạc	Chính quy	Khá	73.7	75.3		85	319	
15	Trần Thị Xuân	17/05/1989	x	Kinh	Hải Lăng-Q.Tri	H.Hóa-Q.Tri	DHSP Nhạc	VHVL	Khá	74.9	75		71	291.9	

Danh sách này gồm có 15 thí sinh dự xét tuyển.

Định Văn Dũng

Người lập

Hướng Hoá ngày tháng 5 năm 2015
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

Vô Thanh

UBND HUYỆN HƯƠNG HOÀ
HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC

KẾT QUẢ ĐIỂM DỰ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC GIÁO DỤC NĂM 2014 LẦN 2
Ngạch: Giáo viên Tiếng Anh

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nữ	Dân tộc	Quê quán	Hộ khẩu thường trú	Trình độ	Hệ đào tạo	Xếp loại TN	Điểm học tập	Điểm TN	Điểm tin chỉ	Điểm KTSH	Tổng điểm	Ghi chú
1	Hoàng Thiên Chân	06/01/1993		Kinh	Triệu Phong - Q.Trị	Hương Hóa - Q.Trị	CBSP	Chính quy	TB Khá			62,9	34	193,8	
2	Dương Thị Thủy Dương	02/03/1990	x	Kinh	Triệu Phong - Q.Trị	Hương Hóa - Q.Trị	DHSP	Chính quy	Khá			70,6	78	297,2	
3	Nguyễn Thị Thu Giang	10/12/1992	x	Kinh	Đông Hưng - Thái Bình	Hương Hóa - Q.Trị	DHSP	Chính quy	TB			68,6	25,5	188,2	
4	Nguyễn Bá Hoàn	01/08/1990		Kinh	Hải Lăng - Q.Trị	Hải Lăng - Q.Trị	CBSP	Chính quy	TB			59,8	90	299,6	
5	Nguyễn Thị Mỹ Linh	18/11/1992	x	Kinh	Cam Lộ - Q.Trị	Cam Lộ - Q.Trị	CBSP	Chính quy	Khá			70,4		140,8	Vắng
6	Nguyễn Thị Liên	02/10/1993	x	Kinh	Cam Lộ - Q.Trị	Cam Lộ - Q.Trị	CBSP	Chính quy	Khá			70,2	26	192,4	
7	Cao Thị Khanh Ly	17/10/1992	x	Kinh	Cam Lộ - Q.Trị	Cam Lộ - Q.Trị	CBSP	Chính quy	TB Khá			68,4		136,8	Vắng
8	Phạm Văn Lý	04/03/1989		Kinh	Triệu Phong - Q.Trị	Triệu Phong - Q.Trị	DHSP	Chính quy	TB			66,7		133,4	Vắng
9	Trần Thị Thủy Nga	31/08/1993	x	Kinh	Vĩnh Linh - Q.Trị	Vĩnh Linh - Q.Trị	CBSP	Chính quy	Khá			75,3	45	240,6	
10	Trần Thị Thảo Nhân	14/8/1991	x	Kinh	Hải Lăng - Q.Trị	Hải Lăng - Q.Trị	DHSP	Chính quy	Khá			71,1		142,2	Vắng
11	Võ Thị Kiều Oanh	19/4/1993	x	Kinh	Cam Lộ - Q.Trị	Cam Lộ - Q.Trị	CBSP	Chính quy	Khá			75,9	43,5	238,8	
12	Lê Thị Ngọc Quỳnh	29/10/1992	x	Kinh	Triệu Phong - Q.Trị	Hương Hóa - Q.Trị	DHSP	Chính quy	Khá			72,8	87	319,6	
13	Nguyễn Thị Thương	12/02/1992	x	Kinh	Gio Linh - Q.Trị	Gio Linh - Q.Trị	DHSP	Chính quy	Khá			75	82	314	
14	Trần Thị Quỳnh Trang	25/11/1989	x	Kinh	Vĩnh Linh - Q.Trị	Vĩnh Linh - Q.Trị	DHSP	Chính quy	Khá			74,2	75	298,4	
15	Ngô Thị Trang	08/07/1992	x	Kinh	Hương Thủy - TT.Huế	Đông Hà - Q.Trị	CBSP	Chính quy	Khá			76,3	41	234,6	
16	Lê Thị Linh Trâm	10/02/1990	x	Kinh	Triệu Phong - Q.Trị	TX Q.Trị - Q.Trị	DHSP	Chính quy	Khá			70,7		141,4	Vắng
17	Nguyễn Thị Việt Trinh	30/4/1993	x	Kinh	Triệu Phong - Q.Trị	Hương Hóa - Q.Trị	CBSP	Chính quy	TB Khá			60,5	90	301	
18	Võ Quang Trung	16/07/1988	x	Kinh	Triệu Phong - Q.Trị	Hương Hóa - Q.Trị	DHSP	Chính quy	Khá			69,2	39,5	217,4	
19	Võ Thị Cẩm Vân	03/09/1991	x	Kinh	Hải Lăng - Q.Trị	Hương Hóa - Q.Trị	DHSP	Chính quy	Khá			73,9	56	259,8	
20	Nguyễn Thị Thủy Vân	06/09/1992	x	Kinh	Vĩnh Linh - Q.Trị	Vĩnh Linh - Q.Trị	DHSP	Chính quy	Giỏi			80,3	67,5	295,6	
21	Nguyễn Thị Bình Yên	26/05/1989	x	Kinh	Gio Linh - Q.Trị	Gio Linh - Q.Trị	DHSP	Chính quy	Khá			77,2	51	256,4	
22	Trần Thị Hải Yến	02/01/1991	x	Kinh	Triệu Phong - Q.Trị	Triệu Phong - Q.Trị	DHSP	Chính quy	Khá			72,4	56,5	257,8	

Danh sách này gồm có 22 thí sinh dự xét tuyển.

Người lập

Đinh Văn Dũng

Hương Hóa, ngày tháng 6 năm 2015
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



Võ Thanh

UBND HUYỆN HƯNG HOÁ
HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC

KẾT QUẢ ĐIỂM DỰ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC GIÁO DỤC NĂM 2014 LẦN 2
Ngành: Nhân viên Văn phòng

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nữ	Dân tộc	Quê quán	Hộ khẩu thường trú	Trình độ	Hệ đào tạo	Xếp loại TN	Điểm học tập	Điểm TN	Điểm tin chỉ	Điểm KTSH	Tổng điểm	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Ngọc Bích	26/11/1983	x	Kinh	Triệu Phong - Q. Trĩ	H. Hòa - Q. Trĩ	ĐHSP Sư	Tài chức	TB	66	70		45	226	
2	Vũ Thị Thủy Hằng	04/10/1993	x	Kinh	Hải Dương	H. Hòa - Q. Trĩ	TCHCVT	Chính quy	Khá	74	67		48	237	
3	Nguyễn Thị Huệ	26/05/1992	x	Kinh	Triệu Phong - Q. Trĩ	H. Hòa - Q. Trĩ	CDQITVP	Chính quy	TB-Khả			67.8	60	255.6	
4	Nguyễn Quang Hưng	10/03/1991		Kinh	Cam Lộ - Q. Trĩ	H. Hòa - Q. Trĩ	CDQITVP	Chính quy	Khá			75.2	83	316.4	
5	Lê Thị Hương	15/02/1982	x	Kinh	H. Hòa - Q. Trĩ	H. Hòa - Q. Trĩ	ĐHSP Văn	Tài chức	TB	61.6	62.5		50	224.1	
6	Trần Thuận Hương	15/12/1983		Kinh	Vĩnh Linh - Q. Trĩ	H. Hòa - Q. Trĩ	ĐHSP Văn	Tài chức	TB	66	65		65	261	
7	Hồ Thị Kinh	05/10/1983	x	VK	HH - Q. Trĩ	H. Hòa - Q. Trĩ	ĐHSP Sư	Cử tuyển	Khá	61.7	50		85	281.7	
8	Nguyễn Thị Thủy Linh	13/06/1993	x	Kinh	Triệu Phong - Q. Trĩ	H. Hòa - Q. Trĩ	CDQITVP	Chính quy	Khá			72.7	35	215.4	
9	Nguyễn Thị Loan	12/01/1992	x	Kinh	Triệu Phong - Q. Trĩ	H. Hòa - Q. Trĩ	CDQITVP	Chính quy	Khá			76.9	55	263.8	
10	Nguyễn Thị Loan	22/9/1992	x	Kinh	Hải Lăng - Q. Trĩ	H. Hòa - Q. Trĩ	CDQITVP	Chính quy	Khá	66.4	65		50	231.4	
11	Đặng Thị Lộc	12/12/1983	x	Kinh	Triệu Phong - Q. Trĩ	H. Hòa - Q. Trĩ	ĐHSP Sư	Tài chức	TB	73	77.5		65	280.5	
12	Trần Văn Luân	11/02/1991		Kinh	Lê Thủy - Q. Bình	H. Hòa - Q. Trĩ	ĐHSP Sư	Tài chức	Khá	77	73		35	220	
13	Nguyễn Thị Ly Ly	14/01/1993	x	Kinh	Triệu Phong - Q. Trĩ	H. Hòa - Q. Trĩ	TCHCVT	Chính quy	Khá			75.8	55	261.6	
14	Nguyễn Thị Thảo Ly	25/10/1989	x	Kinh	Triệu Phong - Q. Trĩ	H. Hòa - Q. Trĩ	CDQITVP	Chính quy	Khá						
15	Nguyễn Thị Lý	01/02/1983	x	Kinh	Triệu Phong - Q. Trĩ	H. Hòa - Q. Trĩ	ĐHKH Văn	Tài chức	TB-Khả	63	65		90	308	
16	Lê Hải Nhon	25/01/1978		Kinh	Triệu Phong - Q. Trĩ	H. Hòa - Q. Trĩ	ĐHKH Sư	Tài chức	TB-Khả	65.9	75		90	320.9	
17	Dương Thị Nhà Phương	22/05/1991	x	Kinh	Đông Hà - Q. Trĩ	H. Hòa - Q. Trĩ	CDQITVP	Chính quy	TB			69.5	40	219	
18	Lê Thị Hồng Sầu	04/04/1980	x	Kinh	Cam Lộ - Q. Trĩ	H. Hòa - Q. Trĩ	ĐHKH Sư	Chính quy	TB			58.4	43	202.8	
19	Lê Thị Thanh	05/02/1984	x	Kinh	Vĩnh Linh - Q. Trĩ	H. Hòa - Q. Trĩ	TCHCVT	Chính quy	TB-Khả	67	62		40	209	
20	Nguyễn Thị Bích Thủy	28/06/1986	x	Kinh	Vĩnh Linh - Q. Trĩ	H. Hòa - Q. Trĩ	TCHCVT	Chính quy	TB	71	67		37	212	
21	Trần Thị Thủy	10/06/1993	x	Kinh	Vĩnh Linh - Q. Trĩ	H. Hòa - Q. Trĩ	CDQITVP	Chính quy	Giỏi			79.7	58	275.4	
22	Nguyễn Thị Trinh	22/09/1993	x	Kinh	Triệu Phong - Q. Trĩ	H. Hòa - Q. Trĩ	CDQITVP	Chính quy	Khá			71.7	90	323.4	

Danh sách này gồm có 22 thí sinh dự xét tuyển.

Người lập

Đình Văn Dũng



UBND HUYỆN HUỠNG HOÀ
HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC

KẾT QUẢ ĐIỂM DỰ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC GIÁO DỤC NĂM 2014 LẦN 2
Ngạch: Giáo viên Mầm non

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nữ	Dân tộc	Quê quán	Họ khẩu thường trú	Trình độ	Hệ đào tạo	Xếp loại TN	Điểm học tập	Điểm TN	Điểm tin chỉ	Điểm KTSH	Tổng điểm	Ghi chú
1	Hồ Thị Kim Anh	05/07/1991	x	Kinh	Hải Lăng - Q.Tri	H.Hóa-Q.Tri	TCGD MN	Chính quy	TB			68	77	290	
2	Hồ Thị Biên	02/04/1992	x	Vân Kiều	H.Hóa-Q.Tri	H.Hóa-Q.Tri	TCGD MN	Chính quy	TB-Khá	60	62		57	236	
3	Hoàng Ngọc Châu	25/08/1991	x	Kinh	Thái Nguyên	H.Hóa-Q.Tri	TCGD MN	Chính quy	TB	66	70		60	256	
4	Nguyễn Thị Kim Chi	19/07/1989	x	Kinh	Hải Lăng - Q.Tri	H.Hóa-Q.Tri	DHGD MN	VHVL	Khá			75.1	83	316.2	
5	Hồ Thị Chi	22/12/1992	x	Vân Kiều	H.Hóa-Q.Tri	H.Hóa-Q.Tri	TCGD MN	Chính quy	TB	60	55		60	235	
6	Trần Thị Chiến	10/06/1990	x	Kinh	Vinh Linh - Q.Tri	H.Hóa-Q.Tri	TCGD MN	Chính quy	TB-Khá	67	53		79	278	
7	Hồ Thị Chung	21/03/1993	x	Vân Kiều	H.Hóa-Q.Tri	H.Hóa-Q.Tri	TCGD MN	Chính quy	TB-Khá	62	70		67	266	
8	Mai Thị Diễm	21/05/1990	x	Kinh	Gio Linh - Q.Tri	Hải Lăng - Q.Tri	CBGD MN	Chính quy	Khá	73.5	71.7			145.2	Vắng
9	Nguyễn Thị Diễm	20/04/1994	x	Kinh	Gio Linh - Q.Tri	H.Hóa-Q.Tri	TCGD MN	Chính quy	TB-Khá	68	62		80	290	
10	Đinh Thị Bích Diệu	22/07/1994	x	Kinh	Mình Hóa - Q.Bình	H.Hóa-Q.Tri	TCGD MN	Chính quy	TB	69	55		77	278	
11	Hồ Thị Dư	02/09/1983	x	Pa Cô	H.Hóa-Q.Tri	H.Hóa-Q.Tri	TCGD MN	Chính quy	TB	57	55		56	224	
12	Phan Thị Mỹ Duyên	10/04/1991	x	Kinh	Cam Lộ - Q.Tri	H.Hóa-Q.Tri	TCGD MN	Chính quy	TB	65	57		69	260	
13	Hồ Thị Bích Đào	17/05/1987	x	Vân Kiều	H.Hóa-Q.Tri	H.Hóa-Q.Tri	TCGD MN	Chính quy	TB-Khá	70	57		75	277	
14	Hồ Thị Đen	07/05/1988	x	Pa Cô	H.Hóa-Q.Tri	H.Hóa-Q.Tri	TCGD MN	Chính quy	TB-Khá	63	58		70	261	
15	Hồ Thị Diệp	05/07/1992	x	Vân Kiều	H.Hóa-Q.Tri	H.Hóa-Q.Tri	TCGD MN	Chính quy	TB	59	55		40	194	
16	Hồ Thị Đoàn	03/06/1990	x	Vân Kiều	H.Hóa-Q.Tri	H.Hóa-Q.Tri	CBGD MN	Chính quy	TB			59.2	47	212.4	
17	Nguyễn Thị Đông	26/11/1984	x	Kinh	Gio Linh - Q.Tri	TX Q.Tri - Q.Tri	CBGD MN	Tại chức	TB-Khá	65	61.4		23	172.4	
18	Hồ Thị Du	13/12/1992	x	Vân Kiều	H.Hóa-Q.Tri	H.Hóa-Q.Tri	TCGD MN	Chính quy	TB-Khá	64	58			122	Vắng
19	Trần Thị Giang	10/01/1988	x	Kinh	Huế	H.Hóa-Q.Tri	TCGD MN	Chính quy	Khá	71	80		62	275	
20	Lê Thị Thúy Hằng	21/02/1992	x	Kinh	Triệu Phong-Q.Tri	H.Hóa-Q.Tri	TCGD MN	Chính quy	Khá	76	67		52	247	
21	Lê Thị Thúy Hằng	30/08/1982	x	Vân Kiều	H.Hóa-Q.Tri	H.Hóa-Q.Tri	TCGD MN	Chính quy	Khá	70	75			145	Vắng
22	Nguyễn Thị Hiền	06/03/1990	x	Kinh	Triệu Phong-Q.Tri	H.Hóa-Q.Tri	TCGD MN	Chính quy	Khá	72	72		61	266	
23	Nguyễn Thị Hoa	02/10/1990	x	Kinh	Huế	H.Hóa-Q.Tri	TCGD MN	Chính quy	Giỏi	81	80		57	275	
24	Lê Thị Như Hoài	02/07/1992	x	Kinh	Triệu Phong-Q.Tri	H.Hóa-Q.Tri	DHGD MN	Chính quy	Khá			77.6	56	267.2	
25	Đặng Thị Diệu Huyền	26/10/1992	x	Kinh	Hà Nội	H.Hóa-Q.Tri	TCGD MN	VHVL	Khá	76	73		59	267	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nữ	Dân tộc	Quê quán	Hộ khẩu thường trú	Trình độ	Hệ đào tạo	Xếp loại TN	Điểm học tập	Điểm TN	Điểm tin chỉ	Điểm KTSH	Tổng điểm	Ghi chú
26	Lê Thị Huyền	07/02/1987	x	Kinh	Vĩnh Linh - Q. Trĩ	H Hòa-Q. Trĩ	CĐGD MN	Chính quy	TB-Khá	64.8	60		67	258.8	
27	Hồ Thị Hưn	02/03/1993	x	Vân Kiều	H Hòa-Q. Trĩ	H Hòa-Q. Trĩ	TCGD MN	Chính quy	TB-Khá	63	60		55	233	
28	Hoàng Thị Diễm Hương	06/12/1986	x	Kinh	Đông Hà - Q. Trĩ	H Hòa-Q. Trĩ	ĐHGD MN	Tự xa	TB-Khá	63.4	70		41	215.4	
29	Nguyễn Thị Hoài Hương	20/06/1994	x	Kinh	Lê Thủy-Q. Bình	H Hòa-Q. Trĩ	TCGD MN	Chính quy	Khá	67	77		58	260	
30	Trần Thị Như Hương	18/11/1985	x	Kinh	Đông Hà - Q. Trĩ	H Hòa-Q. Trĩ	CĐGD MN	Tại chức	TB-Khá	63.9	50			113.9	Vắng
31	Phan Thị Thu Hương	15/04/1992	x	Kinh	Triệu Phong-Q. Trĩ	H Hòa-Q. Trĩ	TCGD MN	Chính quy	TB	66	58		63	250	
32	Nguyễn Thị Hương	26/04/1991	x	Kinh	Vĩnh Linh - Q. Trĩ	H Hòa-Q. Trĩ	TCGD MN	Chính quy	TB	63	52		90	295	
33	Hồ Thị KĐa	07/12/1992	x	Vân Kiều	H Hòa-Q. Trĩ	H Hòa-Q. Trĩ	TCGD MN	Chính quy	TB	63	52		53	221	
34	Hồ Thị Không	12/04/1984	x	Vân Kiều	Đakrông - Q. Trĩ	H Hòa-Q. Trĩ	TCGD MN	Chính quy	TB	59	50		37	183	
35	Từ Thị Khương	22/06/1984	x	Kinh	Triệu Phong-Q. Trĩ	H Hòa-Q. Trĩ	CĐGD MN	Tại chức	TB-Khá	65.9	75		43	226.9	
36	Hồ Thị Kiệt	01/06/1991	x	Vân Kiều	H Hòa-Q. Trĩ	H Hòa-Q. Trĩ	TCGD MN	Chính quy	TB-Khá	62	57		47	213	
37	Trần Thị Hương Lan	02/01/1993	x	Kinh	Triệu Phong-Q. Trĩ	H Hòa-Q. Trĩ	TCGD MN	Chính quy	TB-Khá	68	63		56	243	
38	Nguyễn Thị Lan	20/08/1991	x	Kinh	Quảng Ninh - Q. Bình	H Hòa-Q. Trĩ	CĐGD MN	Chính quy	Khá	76	73.3		50	249.3	
39	Hồ Thị Lành	08/10/1990	x	Pa Cô	H Hòa-Q. Trĩ	H Hòa-Q. Trĩ	TCGD MN	Chính quy	TB	61	55			116	Vắng
40	Lê Thị Lành	10/11/1993	x	Kinh	Hải Lăng - Q. Trĩ	Gio Linh - Q. Trĩ	CĐGD MN	Chính quy	Khá			70.1	55	250.2	
41	Lê Thị Lê	08/08/1992	x	Kinh	Triệu Phong-Q. Trĩ	H Hòa-Q. Trĩ	TCGD MN	Chính quy	TB-Khá	65	63		41	210	
42	Hồ Thị Liêm	03/08/1994	x	Vân Kiều	H Hòa-Q. Trĩ	H Hòa-Q. Trĩ	TCGD MN	Chính quy	TB-Khá	61	58		39	197	
43	Phạm Thị Liên	29/03/1988	x	Kinh	Cam Lộ - Q. Trĩ	H Hòa-Q. Trĩ	TCGD MN	Chính quy	Khá	64	75		55	249	
44	Lê Thị Thùy Liên	18/01/1994	x	Kinh	Vĩnh Linh - Q. Trĩ	Vĩnh Linh-Q. Trĩ	TCGD MN	Chính quy	TB	62	53.3		66	247.3	
45	Hồ Thị Lũy	28/12/1991	x	Kinh	Triệu Phong-Q. Trĩ	H Hòa-Q. Trĩ	TCGD MN	Chính quy	Khá	75	77		51	254	
46	Kẻ Thị Lũy	06/01/1990	x	Pa Cô	A Lưới - TT Huế	H Hòa-Q. Trĩ	TCGD MN	Chính quy	Khá	69	73		81	304	
47	Hoàng Thị Luyến	21/02/1993	x	Kinh	Vĩnh Linh - Q. Trĩ	H Hòa-Q. Trĩ	TCGD MN	Chính quy	Khá	76	67			143	Vắng
48	Hồ Thị Ly	26/02/1993	x	Vân Kiều	H Hòa-Q. Trĩ	H Hòa-Q. Trĩ	TCGD MN	Chính quy	TB	61	53		57	228	
49	Hồ Thị Ly	15/03/1993	x	Vân Kiều	H Hòa-Q. Trĩ	H Hòa-Q. Trĩ	TCGD MN	Chính quy	TB	61	50		42	195	
50	Nguyễn Thị Mai	19/09/1989	x	Pa Cô	A Lưới - TT Huế	H Hòa-Q. Trĩ	TCGD MN	Chính quy	Khá	68	73		50	241	
51	Võ Thị Thương Mến	20/06/1994	x	Kinh	Triệu Phong-Q. Trĩ	H Hòa-Q. Trĩ	TCGD MN	VHVL	Giỏi	80	83		81	325	
52	Hồ Thị Múc	24/10/1994	x	Vân Kiều	H Hòa-Q. Trĩ	H Hòa-Q. Trĩ	TCGD MN	Chính quy	TB	58	52		59	228	
53	Nguyễn Thị Nga	05/09/1986	x	Kinh	Triệu Phong-Q. Trĩ	H Hòa-Q. Trĩ	CĐGD MN	Chính quy	Khá	74	74.8		52	252.8	
54	Đoàn Thị Ngọc	13/03/1990	x	Kinh	Thanh Hóa	Đakrông-Q. Trĩ	TCGD MN	Chính quy	TB-Khá	63	58		48	217	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nữ	Dân tộc	Quê quán	Hộ khẩu thường trú	Trình độ	Hệ đào tạo	Xếp loại TN	Điểm học tập	Điểm TN	Điểm tin chỉ	Điểm KTISH	Tổng điểm	Ghi chú
55	Lê Thị Ngọc	03/04/1993	x	Kinh	Lê Thủy-Q.Bình	H.Hóa-Q.Trị	TCGD MN	Chính quy	TB-Khá	74	60		78	290	
56	Trình Thị Hương Nguyễn	02/11/1990	x	Kinh	Triều Phong-Q.Trị	H.Hóa-Q.Trị	CEGD MN	VHVL	TB-Khá	65.3	60		57	239.3	
57	Lê Thị Nhân	10/12/1989	x	Kinh	Vĩnh Linh - Q.Trị	H.Hóa-Q.Trị	DHGD MN	Từ xa	TB-Khá	67.3	67.5		46	226.8	
58	Hồ Thị Nhặng	13/03/1994	x	Vân Kiều	H.Hóa-Q.Trị	H.Hóa-Q.Trị	TCGD MN	Chính quy	TB-Khá	64	60		71	266	
59	Nguyễn Thị Phương Nhi	18/06/1992	x	Kinh	Hải Lăng - Q.Trị	Hải Lăng - Q.Trị	DHGD MN	Chính quy	Khá			76.3	46	244.6	
60	Hồ Thị Nhỏ	22/09/1993	x	Vân Kiều	H.Hóa-Q.Trị	H.Hóa-Q.Trị	TCGD MN	Chính quy	TB	64	60		58	240	
61	Lương Thị Cẩm Nhung	01/03/1992	x	Kinh	Triều Phong-Q.Trị	H.Hóa-Q.Trị	TCGD MN	Chính quy	TB	64	50		68	250	
62	Hồ Thị Tuyết Nhung	26/09/1988	x	Vân Kiều	H.Hóa-Q.Trị	H.Hóa-Q.Trị	TCGD MN	Chính quy	TB-Khá	72	63		71	277	
63	Nguyễn Thị Quỳnh Như	23/04/1992	x	Kinh	Triều Phong-Q.Trị	Triều Phong-Q.Trị	DHGD MN	Chính quy	Khá			70.6	65	271.2	
64	Hồ Thị Niềm	24/04/1979	x	Vân Kiều	Đakrông - Q.Trị	H.Hóa-Q.Trị	TCGD MN	Chính quy	TB	63	65		62	252	
65	Hồ Thị Núi	13/09/1993	x	Vân Kiều	H.Hóa-Q.Trị	H.Hóa-Q.Trị	TCGD MN	Chính quy	TB	61	58		40	199	
66	Lê Thị Nữ	04/02/1987	x	Kinh	Vĩnh Linh - Q.Trị	H.Hóa-Q.Trị	DHGD MN	Từ xa	Khá	69.1	72.5			141.6	Vắng
67	Nguyễn Thị Kim Oanh	24/01/1993	x	Kinh	Hải Lăng - Q.Trị	Hải Lăng - Q.Trị	CEGD MN	Chính quy	Khá			72.6		145.2	Vắng
68	Hồ Thị Phấn	19/08/1993	x	Vân Kiều	H.Hóa-Q.Trị	H.Hóa-Q.Trị	TCGD MN	Chính quy	TB	64	57		33	187	
69	Hồ Thị Phê	22/04/1991	x	Vân Kiều	H.Hóa-Q.Trị	H.Hóa-Q.Trị	TCGD MN	Chính quy	TB	59	52		34	179	
70	Hồ Thị Phúc	17/08/1991	x	Vân Kiều	Đakrông - Q.Trị	H.Hóa-Q.Trị	CEGD MN	Chính quy	TB-Khá			62.4	31	186.8	
71	Nguyễn Thị Xuân Phương	04/09/1992	x	Kinh	Triều Phong-Q.Trị	H.Hóa-Q.Trị	TCGD MN	Chính quy	Giỏi	78	82		73	306	
72	Hồ Thị Quyết	11/06/1989	x	Vân Kiều	H.Hóa-Q.Trị	H.Hóa-Q.Trị	TCGD MN	Chính quy	TB	59	50		24	157	
73	Trần Thị Sâm	20/09/1977	x	Kinh	Đông Hới - Q.Bình	H.Hóa-Q.Trị	TCGD MN	VHVL	Khá	79	73			152	Vắng
74	Hồ Thị Cấn Soi	26/03/1987	x	Pa Cô	H.Hóa-Q.Trị	H.Hóa-Q.Trị	TCGD MN	Chính quy	TB-Khá	63	60		28	179	
75	Hồ Thị Tem	05/07/1994	x	Vân Kiều	H.Hóa-Q.Trị	H.Hóa-Q.Trị	TCGD MN	Chính quy	Khá	69	72		36	213	
76	Hồ Thị Thanh	10/05/1994	x	Vân Kiều	H.Hóa-Q.Trị	H.Hóa-Q.Trị	TCGD MN	Chính quy	TB	61	57		33	184	
77	Nguyễn Hoàng Thảo	14/12/1993	x	Kinh	Triều Phong-Q.Trị	H.Hóa-Q.Trị	CEGD MN	Chính quy	Khá			70.7	58	257.4	
78	Hoàng Thị Thu Thân	10/07/1992	x	Kinh	Triều Phong-Q.Trị	Triều Phong-Q.Trị	DHGD MN	Chính quy	Khá			78.5	60	277	
79	Hồ Thị Thịnh	16/12/1991	x	Vân Kiều	H.Hóa-Q.Trị	H.Hóa-Q.Trị	TCGD MN	Chính quy	TB	62	58			120	Vắng
80	Hồ Thị Thơm	09/03/1988	x	Pa Cô	H.Hóa-Q.Trị	H.Hóa-Q.Trị	TCGD MN	Chính quy	TB	60	53		39	191	
81	Lê Thị Thu	10/10/1993	x	Kinh	Triều Phong-Q.Trị	H.Hóa-Q.Trị	TCGD MN	Chính quy	Khá	68	82		51	252	
82	Nguyễn Thị Lê Thủy	02/10/1993	x	Kinh	Triều Phong-Q.Trị	H.Hóa-Q.Trị	TCGD MN	Chính quy	Khá	69	83		80	312	
83	Nguyễn Sơn Thủy	31/10/1990	x	Kinh	Vĩnh Linh - Q.Trị	H.Hóa-Q.Trị	TCGD MN	Chính quy	TB-Khá	74	63		20	177	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nữ	Dân tộc	Quê quán	Hộ khẩu thường trú	Trình độ	Hệ đào tạo	Xếp loại TN	Điểm học tập	Điểm TN	Điểm tin chỉ	Điểm KTSH	Tổng điểm	Ghi chú
84	Hoàng Thị Thủy	10/02/1985	x	Kinh	Đông Hà - Q. Trĩ	H.Hóa-Q. Trĩ	CBGD MN	Tại chức	TB-Khá	63.1	60		36	195.1	
85	Lê Thị Thủy	27/11/1987	x	Kinh	Vĩnh Linh - Q. Trĩ	H.Hóa-Q. Trĩ	DHGD MN	Từ xa	TB-Khá	66.8	55		18	157.8	
86	Nguyễn Thị Thanh Thủy	24/04/1986	x	Kinh	Triệu Phong-Q. Trĩ	H.Hóa-Q. Trĩ	TCGD MN	Chính quy	Khá	77	70		35	217	
87	Nguyễn Thị Thủy	02/01/1989	x	Kinh	Vĩnh Linh - Q. Trĩ	H.Hóa-Q. Trĩ	TCGD MN	VHVL	Khá	75	80		58	271	
88	Trương Thị Thủy	14/07/1987	x	Kinh	Triệu Phong-Q. Trĩ	H.Hóa-Q. Trĩ	DHGD MN	Từ xa	TB-Khá	67.5	67.5		58	251	
89	Trần Vũ Thế Thúc	01/01/1991	x	Kinh	Vĩnh Linh - Q. Trĩ	H.Hóa-Q. Trĩ	TCGD MN	VHVL	TB-Khá	69	67		38	212	
90	Hồ Thị Thuong	06/09/1985	x	Kinh	Hải Lăng - Q. Trĩ	H.Hóa-Q. Trĩ	TCGD MN	Chính quy	Khá	77	70		54	255	
91	Võ Thị Thuong	01/02/1990	x	Kinh	Triệu Phong-Q. Trĩ	H.Hóa-Q. Trĩ	TCGD MN	VHVL	Khá	72	67		45	229	
92	Hồ Thị Tâm	05/04/1993	x	Vân Kiều	H.Hóa-Q. Trĩ	H.Hóa-Q. Trĩ	TCGD MN	Chính quy	TB-Khá	65	57		38	198	
93	Nguyễn Bạch Trà	05/09/1991	x	Kinh	Hải Lăng - Q. Trĩ	H.Hóa-Q. Trĩ	TCGD MN	Chính quy	TB-Khá	72	58			130	Vắng
94	Nguyễn Ngọc Trinh	01/09/1992	x	Kinh	Triệu Phong-Q. Trĩ	H.Hóa-Q. Trĩ	TCGD MN	Chính quy	TB-Khá	68	58		37	200	
95	Hồ Thị Tý	29/11/1993	x	Vân Kiều	H.Hóa-Q. Trĩ	H.Hóa-Q. Trĩ	TCGD MN	Chính quy	TB-Khá	64	55		47	213	
96	Hồ Thị Và	09/05/1994	x	Vân Kiều	H.Hóa-Q. Trĩ	H.Hóa-Q. Trĩ	TCGD MN	Chính quy	TB	65	58		28	179	
97	Nguyễn Thị Hồng Vân	16/05/1990	x	Kinh	Triệu Phong-Q. Trĩ	Triệu Phong-Q. Trĩ	CBGD MN	Chính quy	TB-Khá	67.3	63.3			130.6	Vắng
98	Hồ Thị Việt	06/10/1992	x	Vân Kiều	H.Hóa-Q. Trĩ	H.Hóa-Q. Trĩ	TCGD MN	Chính quy	TB-Khá	63	60		44	211	
99	Hồ Thị Xen	12/05/1993	x	Vân Kiều	H.Hóa-Q. Trĩ	H.Hóa-Q. Trĩ	TCGD MN	Chính quy	TB-Khá	64	58		32	186	
100	Hồ Thị Xiêng	15/02/1993	x	Vân Kiều	H.Hóa-Q. Trĩ	H.Hóa-Q. Trĩ	TCGD MN	Chính quy	TB-Khá	61	63		35	194	
101	Hồ Thị Xúc	10/06/1991	x	Vân Kiều	H.Hóa-Q. Trĩ	H.Hóa-Q. Trĩ	TCGD MN	Chính quy	TB-Khá	65	62		22	171	

Danh sách này gồm có 101 thí sinh dự xét tuyển.

Người lập

Đinh Văn Dũng

Hướng Hoá, ngày tháng 6 năm 2015

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

Võ Thanh

